

HƯỚNG DẪN
Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ năm học 2024-2025

Thực hiện hướng dẫn số: 2332 /SGDDĐT-GDTrH ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn kiểm tra, đánh giá định kỳ năm học 2024-2025.

Thực hiện kế hoạch số 331/KH – NCP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của trường THPT Nguyễn Công Phương về việc tổ chức kiểm tra đánh giá năm học 2024-2025.

Chuyên môn nhà trường định hướng một số nội dung trong kiểm tra đánh giá như sau:

1. Nội dung

Theo quy định Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và quy định tại thông tư số 22/2021/TT- BGDĐT ngày 21/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

2. Hình thức

- Môn Ngữ văn đề kiểm tra, đánh giá theo hình thức tự luận 100%.
- Các môn học: Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng và An ninh; Nội dung giáo dục của địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng môn học và hướng dẫn thực hiện môn học/hoạt động giáo dục.
- Các môn học còn lại: đề kiểm tra, đánh giá kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm, cụ thể:

+ Đối với lớp 10, lớp 11: Các môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật: trắc nghiệm 40%, tự luận 60%; các môn còn lại: trắc nghiệm 70%, tự luận 30%;

+ Đối với lớp 12: đề kiểm tra, đánh giá kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm.

+ Hình thức trắc nghiệm: Tùy theo môn học, đề kiểm tra, đánh giá đảm bảo các dạng thức trắc nghiệm theo cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (dạng thức trắc nghiệm dạng nhiều lựa chọn; dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai; dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn).

3. Cấp độ tư duy

- Cấp độ tư duy: Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng.
- Quy định cấp độ tư duy trong đề kiểm tra: Nhận biết (40%), Thông hiểu (30%), Vận dụng (30%).



4. Thời gian kiểm tra đánh giá

- Thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn và kế hoạch giáo dục của giáo viên. Việc điều chỉnh thời điểm kiểm tra do các tác động không mong muốn cần báo cáo cho bộ phận chuyên môn của nhà trường (Nhóm trưởng, tổ trưởng, phó hiệu trưởng chuyên môn).

5. Cấu trúc đề định hướng trong kiểm tra định kỳ năm học 2024-2025

5.1. Khối 10, 11

a) Trắc nghiệm + Tự luận

Môn	Trắc nghiệm	Tự luận
Toán	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (3 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm)	- Số câu tự luận: 3 - Số điểm: 3
Vật lý	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (3 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm)	- Số câu tự luận: 2 - Số điểm: 3
Hóa học	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (3 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (0 điểm)	- Số câu tự luận: 3 - Số điểm: 3
Sinh học	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4,5 điểm - 18 câu) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (2 điểm - 2 câu) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (0,5 điểm - 2 câu)	- Số câu tự luận: 3 - Số điểm: 3
Tin học	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4.0 điểm - 16 câu) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (3.0 điểm - 3 câu)	- Số câu tự luận: 2 - Số điểm: 3
Công nghệ Công	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (5 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (2 điểm)	- Số câu tự luận: 2 - Số điểm: 3
Công nghệ Nông	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (5 điểm-20 câu) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (2 điểm-2 câu)	- Số câu tự luận: 3 - Số điểm: 3
Lịch sử	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm-12 câu)	- Số câu tự luận: 03

	- Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (1 điểm - 1 câu)	- Số điểm: 6
Địa lí	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (1.5 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (2 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (0.5 điểm)	- Số câu tự luận: 03 - Số điểm: 6
Kinh tế pháp luật	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (2 điểm-8 câu) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (2 điểm- 2 câu)	- Số câu tự luận: 03 - Số điểm: 6

b) Môn Ngữ văn

I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

II. Nghị luận (6,0 điểm)

1. Nghị luận văn học: (2,0 điểm)

2. Nghị luận xã hội: (4,0 điểm)

c) Môn Tiếng Anh

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (7.0 điểm -35 câu)

II. Tự luận (3 điểm)

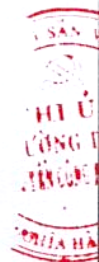
Số câu tự luận: 15 câu

* Đánh giá cuối kỳ: thêm phần Speaking (2.0 điểm), phần làm trên giấy (8.0 điểm)

5.2. Khối 12

a) Trắc nghiệm + Tự luận

Môn	Trắc nghiệm	Tự luận
Toán	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm)	- Số câu tự luận: 01 - Số điểm: 1
Vật lý	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm)	- Số câu tự luận: 01 - Số điểm: 1
Hóa học	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4.5 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm)	- Số câu tự luận: 1 - Số điểm: 0,5
Sinh học	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4,5 điểm- 18 câu)	- Số câu tự luận: 02 - Số điểm: 1



	- Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4 điểm- 4 câu) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (0,5 điểm- 2 câu)	
Tin học	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (5.0 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4.0 điểm)	- Số câu tự luận: 1 - Số điểm: 1
Công nghệ Công	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (5 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4 điểm)	- Số câu tự luận: 1 - Số điểm: 1
Công nghệ Nông	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm- 24 câu) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (3 điểm- 3 câu)	- Số câu tự luận: 1 - Số điểm: 1
Lịch sử	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm- 24 câu) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (3 điểm - 3 câu)	- Số câu tự luận: 01 - Số điểm: 1
Địa lí	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4 điểm) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4 điểm) - Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn (1 điểm)	- Số câu tự luận: 01 - Số điểm: 1
Kinh tế pháp luật	- Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (5 điểm -20 câu) - Phần 2. Trắc nghiệm trả lời đúng sai (4 điểm -4 câu)	- Số câu tự luận: 01 - Số điểm: 1

b) Môn Ngữ văn

I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

II. Nghị luận (6,0 điểm)

1. Nghị luận văn học: (2,0 điểm)

2. Nghị luận xã hội: (4,0 điểm)

c) Môn Tiếng Anh

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (7.0 điểm -35 câu)

II. Tự luận (3 điểm)

Số câu tự luận: 15 câu

**Đánh giá cuối kỳ : thêm phần Speaking (2.0 điểm), phần làm trên giấy (8.0 điểm)*

6. Hình thức kiểm tra**6.1. Kiểm tra tập trung**

- Hình thức kiểm tra tập trung theo lịch của nhà trường chỉ thực hiện đối với bài thi kiểm tra cuối kỳ ở các bộ môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh.

6.2. Kiểm tra không tập trung

- Hình thức kiểm tra không tập trung (tại lớp do giáo viên bộ môn thực hiện) đối với kiểm tra giữa kỳ ở tất cả các môn học có kiểm tra đánh giá. Ngoài ra còn thực hiện đối với các môn khác ngoài các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh trong kiểm tra cuối kỳ.

7. Gợi ý “Cấu trúc bảng ma trận” và “Bản đặc tả”**a) Dành cho môn kết hợp trắc nghiệm và tự luận**

MA TRẬN TỔNG QUÁT MÔN
ĐỀ KIỂM TRA **NĂM HỌC**

Nội dung	Cấp độ tư duy											
	TRẮC NGHIỆM									TỰ LUẬN		
	Dạng thức 1			Dạng thức 2			Dạng thức 3					
	N	T	V	N	T	V	N	T	V	N	T	V
B	H	D	B	H	D	B	H	D	B	H	D	
Tổng số câu/ý												
Cộng số câu	câu			câu [gồm 4 ý a), b), c), d)]			câu					

b) Dành cho môn ngữ văn

MA TRẬN TỔNG QUÁT MÔN NGỮ VĂN
ĐỀ KIỂM TRA **NĂM HỌC**

Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Cấp độ tư duy			Tổng số câu
		Biết	Hiểu	Vận dụng	
Năng lực đọc					
Năng lực viết					

Tổng				
------	--	--	--	--

c) Dành cho môn tiếng anh

Nội dung	Cấu trúc	Cấp độ tư duy					
		TRẮC NGHIỆM			TỰ LUẬN		
		NB	TH	VD	NB	TH	VD
Tổng/phần trăm							

d) Gợi ý ma trận chi tiết cho đề kiểm tra kết hợp tự luận và trắc nghiệm

Dạng thức TN/T L	Câu hỏi	Chủ đề/nội dung	Lệnh hỏi	Thành phần năng lực									Tổng số câu hỏi/ lệnh hỏi					
				Nhận thức			Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới			Vận dụng kiến thức, kỹ năng								
				Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy								
				B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD				B	H	VD
TN1	Câu ...																	
	đến																	
	Câu ...																	
TN2	Câu	Bài 3	a)															
			b)															
			c)															
			d)															
	Câu		a)															

		Vận dụng:	

8. Trình bày đề kiểm tra

a) Môn trắc nghiệm + tự luận (trừ tiếng anh)

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

BÀI ĐÁNH GIÁ (2024-2025)

Môn: Khối:

Thời gian làm bài phút

Họ và tên:

Mã đề:

Lớp: SBD:

I. Trắc nghiệm (điểm)

1. Phần 1. (điểm) Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (mỗi phương án trả lời đúng được 0.25đ)

2. Phần 2. (điểm) Trắc nghiệm trả lời đúng sai (mỗi câu gồm 4 ý a), b) c) d))

+ đúng 01: 0,1đ

+ đúng 02: 0,25đ

+ đúng 03: 0,5đ

+ đúng 04: 1,0đ

3. Phần 3. (điểm) Trắc nghiệm trả lời ngắn (mỗi câu trả lời đúng đ)

II. Tự luận (điểm)

___ hết ___

b) Môn luận

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

BÀI KIỂM TRA (2024-2025)

Môn: Khối:

Thời gian làm bài phút

Họ và tên:

Lớp: SBD:

Đề bài:

Phần I.

Nội dung

Câu 1. (điểm)

Câu 2. (điểm)

.....

Phần II.

Câu 1. (điểm)

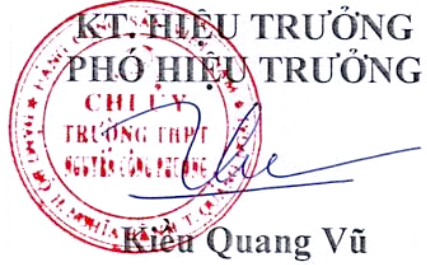
Câu 2. (điểm)

_____ **hết** _____

Trên đây là hướng dẫn kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- BGH;
- TTCM;
- GV;
- Websites
- Lưu: VT; kqv.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ Y
TRƯỞNG THPT
NGUYỄN QUANG VŨ
Kiến Quang Vũ


VIỆT NAM
ỦY
TRƯỞNG THPT
NGUYỄN QUANG VŨ
TRƯỜNG